TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2024/HS-ST
Ngày 04 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Hùng

Ông Nguyễn Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1986, tại Hải Phòng; nơi cư trú: xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28 tháng 02 năm 2024. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Hồng V, ; nơi cư trú: xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn L; có mặt.

2. Chị Đỗ Thu H; có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Th; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ 00 phút, ngày 15/11/2023, cô giáo Nguyễn Thị Hồng V sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn Đông Hoa, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng là giáo viên chủ nhiệm lớp 1A6- Trường tiểu học Hoa Động vào lớp để giảng dạy. Đến khoảng 09 giờ 37 phút cùng ngày, trong quá trình giảng dạy do cháu Phạm Thị Quỳnh D sinh năm 2017 không ôn tập bài về nhà và đọc sai vần nên cô V đã dùng tay phải nâng mặt cháu D lên và tát nhẹ 01 cái vào mặt cháu D. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, chị Nguyễn Thị Bích sinh năm 1982 (là bác của cháu D) đến trường đón cháu D về. Khi đưa cháu D về nhà, chị Bích phát hiện trên má phải cháu D có 01 vết xước dài khoảng 10 cm (không chảy máu), chị Bích có hỏi "Mặt con bị làm sao thế?", cháu D trả lời: "Cô giáo ấy vào mặt bị xước", rồi cháu D khóc, anh Nguyễn Văn Dương, sinh năm 1994 (chú của cháu D) nghe thấy liền gọi điện cho Nguyễn Văn C (là bố đẻ của cháu D) thông báo về việc trên và anh Dương đưa cháu D đến trường tiểu học Hoa Động để gặp cô giáo V. Tại đây, các cô giáo ở trường ra nói chuyện và bảo anh Dương đưa cháu về. Khoảng 11 giờ cùng ngày, C đi làm về đến nhà, thấy trên má bên phải của cháu D có 01 vết xước, C hỏi "Con bị làm sao?" thì cháu D trả lời "Bị cô giáo đánh". C điều khiển xe máy chở cháu D đến trường Tiểu học Hoa Động để tìm cô giáo V nói chuyện nhưng không gặp, C định lấy xe ra về thì thấy cô V đang đi bộ từ hướng phòng họp xuống sân trường, lúc này tại sân trường có nhiều học sinh bán trú đang vui chơi. Thấy vậy C đi thẳng về phía cô V và hỏi "sao lại dạy cháu kiểu này?", cô V không nói gì. C tiến lại gần cô V dùng tay phải tát mạnh vào đầu cô V làm cô V xô người về bên phải, C tiếp tục dùng chân đá mạnh vào mông cô V thì bị trượt chân ngã ngồi xuống đất. C bật dậy tiếp tục lao về phía cô V thì cô V bỏ chạy. C đuổi theo dùng tay chân đấm đá vào người cô V, vừa đánh, C vừa chửi "Có thích dạy như thế này không". C không thấy cô giáo nói gì nên tiếp tục dùng tay phải đấm mạnh vào bả vai trái của cô V một cái nữa thì được mọi người can ngăn, C dừng lại và chở cháu D về nhà.

Ngày 15/11/2023, Trường Tiểu học Hoa Động đã có báo cáo vụ việc gửi Công an huyện Thủy Nguyên đề nghị xử lý đối tượng Nguyễn Văn C và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên 01 USB có chứa các video ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ việc.

Tại Kết luận giám định số 221/KL-KTHS ngày 24/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 03 tập tin video có phần mở rộng MP4 tổng dung lượng 207MB được lưu trong 01 USB nhãn hiệu Kingston 2GB đã qua sử dụng không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Bà Nguyễn Thị Hồng V khai nhận chỉ bị thương tích nhẹ đã khỏi. Sau khi sự việc xảy ra, C đã đến xin lỗi, bà V không có yêu cầu đề nghị gì và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho C.

Tại Bản cáo trạng số 121/CT-VKSTN ngày 19 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn

Văn C về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo phạm tội gây rối trật tự công cộng, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách tương ứng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, định khung hình phạt: Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn C phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Ngày 15/11/2023 tại sân trường tiểu học Hoa Động, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, bị cáo Nguyễn Văn C đã có hành vi chửi bới và dùng tay chân đấm đá cô giáo Nguyễn Thị Hồng V trước mặt các học sinh và giáo viên trong trường học, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm đến nguyên tắc an toàn nơi trường học. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Gây rối trật tự công cộng, quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn C đã liên tiếp thực hiện các hành vi dùng tay chân đánh vào các vị trí trên cơ thể của cô giáo Nguyễn Thị Hồng V, và chửi bới cô V, chỉ khi được mọi người can ngăn và cô giáo V bỏ chạy thì C mới dừng lại. Hành vi gây rối trật tự công cộng của bị cáo diễn ra ngay trong giờ nghỉ trưa, trước sự chứng kiến của đông đảo giáo viên và học sinh, phụ huynh, đã gây tâm lý hoảng sợ, lo lắng cho các giáo viên và học sinh trong nhà trường. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự (nhân thân tốt), bị cáo có việc làm, là lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú rõ ràng, Xuất phát từ hành vi không đúng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (cô giáo) đối với con bị cáo nên bị cáo nhất thời phạm tội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm C, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về dân sự: Bà Nguyễn Thị Hồng V không có yêu cầu đề nghị về bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

[6] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lơi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; Điều 65; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Gây rối trật tự công cộng". Xử phạt Nguyễn Văn C 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã Hoa Động, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Văn C

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý

do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng V được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của bà V trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:</u>

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân

nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì

ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)